

**BỘ KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2012/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2012

**THÔNG TƯ****Quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu  
thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định nội dung, trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (sau đây gọi tắt là kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu) thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại Khoản 4 Điều 69 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; các tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa (sau đây gọi chung là người nhập khẩu); các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 2. Đối tượng kiểm tra**

1. Hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam thuộc Danh mục hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (dưới đây gọi tắt là Danh mục hàng hóa nhóm 2).

Đối với hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu vào Việt Nam có tiềm ẩn khả năng gây mất an toàn hoặc hàng hóa có khả năng gây mất an toàn theo thông tin cảnh báo từ các tổ chức quốc tế, khu vực, nước ngoài thì có thể áp dụng kiểm tra theo Thông tư này.

2. Thông tư này không áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu là hành lý cá nhân, hàng hóa ngoại giao, hàng triển lãm hội chợ, quà biếu; hàng hóa, vật tư thiết bị tạm nhập - tái xuất; hàng quá cảnh chuyển khẩu; hàng gửi kho ngoại quan; hàng doanh nghiệp Việt Nam gia công cho thương nhân nước ngoài; các vật tư thiết bị máy móc nhập khẩu phục vụ các dự án đầu tư; hàng hóa thuộc lĩnh vực an ninh quốc phòng, bí mật quốc gia, an toàn bức xạ hạt nhân và các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Căn cứ kiểm tra**

Căn cứ kiểm tra chất lượng hàng hóa là quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với hàng hóa, quy định về nhãn hàng hóa và các quy định khác của pháp luật.

### **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Lô hàng là tập hợp một chủng loại hàng hóa được xác định về số lượng, có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật, của cùng một cơ sở sản xuất và thuộc cùng một bộ hồ sơ nhập khẩu.

2. Cơ quan kiểm tra là các cơ quan được phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

b) Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cửa khẩu hoặc có điểm kiểm tra hàng nhập khẩu trên địa bàn quản lý.

3. Chứng chỉ chất lượng bao gồm:

a) Giấy chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trong thời hạn còn hiệu lực, được cấp bởi tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận;

b) Giấy chứng nhận chất lượng, giấy giám định chất lượng của lô hàng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với hàng hóa tương ứng, được cấp bởi tổ chức chứng nhận hoặc tổ chức giám định được chỉ định hoặc được thừa nhận;

c) Giấy chứng nhận hệ thống quản lý đối với sản phẩm, hàng hóa có yêu cầu về hệ thống quản lý.

**Điều 5. Điều kiện về chất lượng để hàng hóa nhập khẩu được thông quan**

1. Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra nhà nước về chất lượng chỉ được thông quan khi cơ quan kiểm tra quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Thông tư này ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng (theo Mẫu 3. TBKQKT - phần Phụ lục kèm theo Thông tư này).

2. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu do cơ quan Hải quan cho phép tạm thời thông quan trước, kiểm tra chất lượng sau thì cơ quan Hải quan chỉ cho tạm thời thông quan sau khi người nhập khẩu hàng hóa đã đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu tại cơ quan kiểm tra (theo Mẫu 1. ĐKKT - phần Phụ lục kèm theo Thông tư này). Sau khi được tạm thời thông quan, người nhập khẩu phải liên hệ với cơ quan kiểm tra để thực hiện việc kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Thông tư này. Cơ quan Hải quan chỉ làm thủ tục chính thức thông quan khi hàng hóa đáp ứng yêu cầu tại Khoản 1 Điều này.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu do cơ quan Hải quan cho phép tạm thời thông quan trước, kiểm tra chất lượng sau thì người nhập khẩu không được phép đưa hàng hóa đó ra lưu thông trên thị trường nếu chưa hoàn thành việc kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Thông tư này.

**Điều 6. Hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu**

1. Hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu (01 bộ) gồm:

a) Giấy “Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu” (04 bản, theo Mẫu 1. ĐKKT - phần Phụ lục kèm theo Thông tư này).

b) Bản photo copy các giấy tờ sau: Hợp đồng (*Contract*), Danh mục hàng hóa (nếu có) kèm theo (*Packing list*).

c) Một hoặc các bản sao chứng chỉ chất lượng (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực) hoặc bản chính.

d) Các tài liệu khác có liên quan: Bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn (*Bill of Lading*); hóa đơn (*Invoice*); tờ khai hàng hóa nhập khẩu; giấy chứng nhận xuất xứ (*C/O-Certificate of Origin*) (nếu có); ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa; mẫu nhãn hàng nhập khẩu đã được gắn dấu hợp quy và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định); chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có).

2. Người nhập khẩu phải chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

**Chương II****NỘI DUNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM TRA****Điều 7. Nội dung kiểm tra**

Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra theo các nội dung sau:



1. Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

2. Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp, dấu hợp quy, nhãn hàng hóa (đối với hàng hóa phải ghi nhãn) và các tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa cần kiểm tra:

a) Kiểm tra sự phù hợp của nội dung chứng chỉ chất lượng của lô hàng nhập khẩu so với yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các quy định hiện hành; kiểm tra tính chính xác và đồng bộ về thông tin của bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng;

b) Kiểm tra các nội dung bắt buộc ghi trên mẫu nhãn (và nhãn phụ) bao gồm tên hàng hóa, tên địa chỉ của tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa; xuất xứ của hàng hóa và các nội dung khác quy định cho từng loại hàng hóa; sự phù hợp của mẫu nhãn với bộ hồ sơ nhập khẩu lô hàng;

c) Kiểm tra vị trí, màu sắc, kích thước và ngôn ngữ trình bày của nhãn;

d) Kiểm tra việc thể hiện dấu hợp quy được trình bày trực tiếp trên sản phẩm, hàng hóa hoặc trên bao bì hoặc nhãn gắn trên sản phẩm, hàng hóa.

3. Kiểm tra văn bản chấp thuận theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc Danh mục hàng hóa nhóm 2 mang đặc tính mới có khả năng gây mất an toàn mà chưa được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

### **Điều 8. Trình tự, thủ tục và xử lý trong quá trình kiểm tra**

Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và xử lý quá trình kiểm tra theo các bước sau:

1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng của người nhập khẩu (theo Mẫu 2. TNHS - phần Phụ lục kèm theo Thông tư này); vào sổ đăng ký và ký tên, đóng dấu bản đăng ký kiểm tra chất lượng của người nhập khẩu.

2. Tiến hành kiểm tra theo nội dung kiểm tra:

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng, cơ quan kiểm tra phải ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng (theo Mẫu 3. TBKQKT - phần Phụ lục kèm theo Thông tư này), gửi tới người nhập khẩu để làm thủ tục thông quan cho lô hàng;

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không phù hợp, cơ quan kiểm tra xử lý như sau:

Trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về nhãn, cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng (theo Mẫu 3. TBKQKT - phần Phụ lục kèm theo Thông tư này), trong Thông báo nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu gửi tới người nhập khẩu, đồng thời yêu cầu người nhập khẩu khắc phục về nhãn hàng hóa trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc. Cơ quan kiểm tra chỉ cấp Thông báo lô

hàng nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng khi người nhập khẩu có bằng chứng khắc phục, chứng chỉ chất lượng của lô hàng.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có chứng chỉ chất lượng không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu hoặc chứng chỉ chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng (theo Mẫu 3. TBKQKT - phần Phụ lục kèm theo Thông tư này), trong Thông báo nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu gửi tới cơ quan Hải quan và người nhập khẩu. Đồng thời báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (theo Mẫu 4. BCKĐCL - phần Phụ lục kèm theo Thông tư này) để xử lý theo thẩm quyền quy định tại các điểm a, b, c Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

c) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: Cơ quan kiểm tra xác nhận các hạng mục hồ sơ còn thiếu trong phiếu tiếp nhận hồ sơ và yêu cầu người nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời gian 25 ngày làm việc. Trường hợp quá thời hạn trên mà vẫn chưa bổ sung đủ hồ sơ thì người nhập khẩu phải có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành. Các bước kiểm tra tiếp theo chỉ được thực hiện sau khi người nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ.

Trường hợp người nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời gian quy định thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thời gian bổ sung hồ sơ, cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (theo Mẫu 3. TBKQKT - phần Phụ lục kèm theo Thông tư này), trong thông báo nêu rõ “Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ” gửi tới người nhập khẩu và cơ quan Hải quan đồng thời chủ trì, phối hợp cơ quan kiểm tra liên quan tiến hành kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa tại cơ sở của người nhập khẩu.

3. Khi kiểm tra hồ sơ, phát hiện thấy hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra theo nội dung quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 9 của Thông tư này thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng, cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (theo Mẫu 3. TBKQKT - phần Phụ lục kèm theo Thông tư này), trong Thông báo nêu rõ các nội dung cần tiếp tục phải kiểm tra gửi người nhập khẩu, đồng thời tiến hành kiểm tra theo nội dung quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 9 của Thông tư này. Kết quả được xử lý như sau:

a) Trường hợp kết quả đánh giá sự phù hợp của hàng hóa nhập khẩu phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng thì thực hiện theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này;

b) Trường hợp kết quả đánh giá sự phù hợp của hàng hóa nhập khẩu không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng thì thực hiện theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này.

**Điều 9. Áp dụng biện pháp tăng cường kiểm tra**

1. Hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường không bảo đảm chất lượng, cơ quan kiểm tra áp dụng biện pháp tăng cường kiểm tra nhập khẩu đối với loại hàng hóa đó. Ngoài việc hàng hóa nhập khẩu phải được kiểm tra theo nội dung quy định tại Điều 7 và trình tự kiểm tra theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này, khi có yêu cầu của cơ quan kiểm tra thì người nhập khẩu loại hàng hóa đó phải thực hiện chứng nhận hoặc giám định sự phù hợp đối với lô hàng nhập khẩu tại tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định. Chi phí chứng nhận hoặc giám định do người nhập khẩu chi trả tổ chức đánh giá sự phù hợp.

2. Đối với hàng hóa nhập khẩu có khiếu nại, tố cáo hoặc có nghi ngờ về kết quả đánh giá sự phù hợp, ngoài việc thực hiện kiểm tra theo nội dung quy định tại Điều 7 và trình tự kiểm tra theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này, cơ quan kiểm tra tiến hành lấy mẫu để thử nghiệm đối với hàng hóa đó theo các quy định sau:

a) Căn cứ tiêu chuẩn về phương pháp thử hoặc quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với hàng hóa, cơ quan kiểm tra lấy mẫu hàng hóa nhập khẩu theo phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên với số lượng đủ để thử nghiệm các chỉ tiêu cần kiểm tra;

b) Mẫu hàng hóa sau khi lấy phải được niêm phong (tem niêm phong theo Mẫu 5b. TNPM - phần Phụ lục kèm theo Thông tư) và lập biên bản lấy mẫu hàng hóa (theo Mẫu 5a. BBLM - phần Phụ lục kèm theo Thông tư này);

c) Mẫu hàng hóa phải được gửi đến tổ chức thử nghiệm được chỉ định để thử nghiệm. Kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm được chỉ định là căn cứ pháp lý để cơ quan kiểm tra xử lý tiếp trong quá trình kiểm tra;

d) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thử nghiệm mẫu, cơ quan kiểm tra gửi kết quả thử nghiệm mẫu để người nhập khẩu biết, thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ quy định tại điểm d Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

đ) Chi phí lấy mẫu hàng hóa và thử nghiệm như sau:

Chi phí lấy mẫu và thử nghiệm để kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu quy định tại Khoản 2 Điều này do cơ quan kiểm tra chi trả. Chi phí lấy mẫu và thử nghiệm được bố trí trong dự toán kinh phí hoạt động của cơ quan kiểm tra.

Trường hợp kết quả thử nghiệm cho thấy hàng hóa nhập khẩu không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng thì người nhập khẩu phải trả chi phí lấy mẫu và thử nghiệm hàng hóa cho cơ quan kiểm tra.

Trường hợp khiếu nại, tố cáo, nếu kết quả thử nghiệm cho thấy hàng hóa nhập khẩu phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng thì người khiếu nại, tố cáo phải trả chi phí lấy mẫu và thử nghiệm hàng hóa cho cơ quan kiểm tra.

3. Trường hợp người nhập khẩu không nhất trí với kết quả thử nghiệm mẫu quy định tại điểm c Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ



ngày nhận được kết quả thử nghiệm mẫu, người nhập khẩu có thể đề nghị bằng văn bản đối với cơ quan kiểm tra thử nghiệm lại đối với mẫu lưu ở một tổ chức thử nghiệm được chỉ định khác. Kết quả đánh giá sự phù hợp này là căn cứ để cơ quan kiểm tra xử lý, kết luận cuối cùng. Chi phí đánh giá sự phù hợp do người nhập khẩu chi trả.

4. Đợt xuất hoặc định kỳ 6 tháng 1 lần, cơ quan kiểm tra chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa tại cơ sở lưu giữ hàng hóa của người nhập khẩu. Trình tự nội dung kiểm tra theo quy định tại Thông tư số 26/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường.

#### **Điều 10. Lệ phí kiểm tra nhà nước về chất lượng**

Lệ phí kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 231/2009/TT-BTC ngày 19/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Trách nhiệm của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**

1. Hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định, các cơ quan kiểm tra trong việc kiểm tra chất lượng hàng nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Chỉ đạo, xử lý các trường hợp hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng do Cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa báo cáo. Trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

#### **Điều 12. Trách nhiệm của Cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**

1. Tổ chức thực hiện việc kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu là xăng, nhiên liệu diesel, nhiên liệu sinh học và các loại hàng hóa khác theo sự chỉ đạo của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Xử lý theo thẩm quyền quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Là đầu mối tiếp nhận, xử lý thông tin, báo cáo từ các cơ quan kiểm tra ở Trung ương, các tỉnh, thành phố để tổng hợp trình Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ tình hình và kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu (theo Mẫu 6: BC - phần Phụ lục kèm theo Thông tư này).

**Điều 13. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ**

1. Chỉ đạo, xử lý theo thẩm quyền các trường hợp hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng do Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng báo cáo. Trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) tình hình và kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn tỉnh theo định kỳ 6 tháng, 1 năm. Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 15 của tháng cuối kỳ báo cáo.

**Điều 14. Trách nhiệm của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**

1. Tổ chức thực hiện việc kiểm tra chất lượng đối với các hàng hóa (trừ hàng hóa quy định tại Khoản 1 Điều 12) tại các cửa khẩu trên địa bàn. Xử lý theo thẩm quyền quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ tình hình và kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn tỉnh (theo Mẫu 6. BC - phần Phụ lục kèm theo Thông tư này).

**Điều 15. Trách nhiệm của Tổ chức đánh giá sự phù hợp được yêu cầu**

1. Cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp cho cơ quan kiểm tra và người nhập khẩu trong thời gian quy định.

2. Phối hợp với cơ quan kiểm tra khi có yêu cầu liên quan đến đánh giá sự phù hợp của hàng hóa nhập khẩu.

3. Chấp hành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

**Điều 16. Trách nhiệm các bên liên quan trong việc xử lý hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng**

1. Người nhập khẩu có trách nhiệm:

a) Đăng ký và thực hiện quy định về kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 hoặc khi có yêu cầu của cơ quan kiểm tra; thực hiện các yêu cầu của cơ quan kiểm tra khi áp dụng các biện pháp tăng cường kiểm tra;

b) Thực hiện các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền quyết định tái xuất hoặc tiêu hủy đối với hàng hóa bị buộc phải tái xuất hoặc tiêu hủy.

Đối với lô hàng được tái chế, người nhập khẩu chịu trách nhiệm tái chế và thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng sau tái chế.

c) Chấp hành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Cơ quan kiểm tra có trách nhiệm:

a) Đối với hàng hóa nhập khẩu có chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, nếu phải áp dụng biện pháp buộc



tái xuất hoặc buộc tiêu hủy lô hàng hóa đó thì cơ quan kiểm tra chuyên hồ sơ kiểm tra có vi phạm về chất lượng cho cơ quan hải quan nơi tổ chức, cá nhân mở tờ khai hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu để xử lý theo thẩm quyền;

b) Đối với hàng hóa nhập khẩu có chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, nếu phải áp dụng biện pháp xử lý tái chế thì người nhập khẩu đề xuất phương án tái chế để cơ quan kiểm tra báo cáo cơ quan quản lý cấp trên quyết định xử lý. Cơ quan kiểm tra thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng sau tái chế.

## **Chương IV** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 17. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2013 và thay thế Thông tư số 17/2009/TT-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và Điều 1 của Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 17/2009/TT-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2009 và Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14 tháng 02 năm 2007.

2. Quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

### **Điều 18. Trách nhiệm các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

Căn cứ quy định tại Thông tư này, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành hướng dẫn kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc phạm vi được phân công quản lý.

### **Điều 19. Trách nhiệm thi hành**

1. Các cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa, người nhập khẩu, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, Cơ quan kiểm tra phản ánh kịp thời về Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng để tổng hợp, đề xuất báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, sửa đổi./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Trần Việt Thanh**

**Phụ lục****CÁC MẪU BIỂU SỬ DỤNG TRONG KIỂM TRA NHÀ NƯỚC  
VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THUỘC TRÁCH NHIỆM  
QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

1. Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu:

Mẫu 1. ĐKKT

27/2012/TT-BKHCN

2. Phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu:

Mẫu 2. TNHS

27/2012/TT-BKHCN

3. Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu:

Mẫu 3. TBKQKT

27/2012/TT-BKHCN

4. Báo cáo lô hàng nhập khẩu không đạt yêu cầu quy định về chất lượng:

Mẫu 4. BCKĐCL

27/2012/TT-BKHCN

5. Biên bản lấy mẫu:

Mẫu 5a. BBLM

27/2012/TT-BKHCN

6. Tem niêm phong:

Mẫu 5b. TNPM

27/2012/TT-BKHCN

7. Báo cáo tình hình kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu:

Mẫu 6. BC

27/2012/TT-BKHCN

**Mẫu 1. ĐKKT**  
27/2012/TT-BKHCN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐĂNG KÝ KIỂM TRA**  
**NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

Kính gửi:..... (Tên Cơ quan kiểm tra) .....

Người nhập khẩu:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Fax:.....

Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa sau:

Số TT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Khối lượng/số lượng	Cửa khẩu nhập	Thời gian nhập khẩu

Địa chỉ tập kết hàng hóa:

Hồ sơ kèm theo gồm có các bản sao sau đây:.....

☐ Hợp đồng (Contract) số:

☐ Danh mục hàng hóa (Packing list): .....

☐ Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu hoặc Giấy giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu:..... do Tổ chức..... cấp ngày:...../...../..... tại: .....

☐ Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý số: .....

do Tổ chức chứng nhận:..... cấp ngày:...../...../..... tại:.....

☐ Hóa đơn (Invoice) số:.....

☐ Vận đơn (Bill of Lading) số:.....

☐ Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số: .....

☐ Giấy chứng nhận xuất xứ C/O (nếu có) số:.....



☐ Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có):

☐ Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa, mẫu nhãn hàng nhập khẩu, nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ và chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật.....  
(hoặc tiêu chuẩn).

**(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA)**

Vào sổ đăng ký: số:.../(Tên viết tắt của CQKT)

Ngày..... tháng..... năm 20...

(Đại diện Cơ quan kiểm tra ký tên đóng dấu)

....., ngày... tháng... năm 20....

**(NGƯỜI NHẬP KHẨU)**

(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu 2. TNHS**  
**27/2012/TT-BKHCN**

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../(CQKT) ....., ngày.... tháng.... năm 20...

**PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ**  
**ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

STT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	Có/Không (C/K)	Ghi chú
1	Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu	<input type="checkbox"/>	
2	Hợp đồng ( <i>Contract</i> ) (bản photocopy)	<input type="checkbox"/>	
3	Danh mục hàng hóa ( <i>Packing list</i> ) kèm theo hợp đồng (bản photocopy)	<input type="checkbox"/>	
4	Bản sao có chứng thực giấy chứng chỉ chất lượng	<input type="checkbox"/>	
	4.1. Giấy chứng nhận hợp quy	<input type="checkbox"/>	
	4.3. Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng	<input type="checkbox"/>	
	4.2. Giấy giám định chất lượng lô hàng	<input type="checkbox"/>	
	4.4. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng	<input type="checkbox"/>	
5	Hóa đơn ( <i>Invoice</i> )	<input type="checkbox"/>	
6	Vận đơn ( <i>Bill of Lading</i> )	<input type="checkbox"/>	
7	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu	<input type="checkbox"/>	
8	Giấy chứng nhận xuất xứ ( <i>C/O-Certificate of Origin</i> )	<input type="checkbox"/>	
9	Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa	<input type="checkbox"/>	
10	Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS	<input type="checkbox"/>	
11	Mẫu nhãn hàng nhập khẩu đã được gắn dấu hợp quy	<input type="checkbox"/>	
12	Nhãn phụ ( <i>nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định</i> )	<input type="checkbox"/>	

**KẾT LUẬN**

☐ Hồ sơ đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.

☐ Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các mục:..... trong thời gian 25 ngày. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định.

**Người nộp hồ sơ**

**Người kiểm tra**

**Mẫu 3. TBKQKT**  
**27/2012/TT-BKHCN**

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB-.....

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**THÔNG BÁO**

**Kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu**

Số TT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Khối lượng/số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú

- Cửa khẩu nhập:
- Thời gian nhập khẩu:
- Thuộc lô hàng có các chứng từ sau:

- Hợp đồng số:
- Danh mục hàng hóa số:
- Hóa đơn số:
- Vận đơn số:
- Tờ khai hàng nhập khẩu số:
- Giấy chứng nhận xuất xứ số (C/O):
- Giấy chứng nhận lưu hành tự do CFS

- Người nhập khẩu:
- Giấy đăng ký kiểm tra số:..... ngày.....tháng.....năm 20.....
- Căn cứ kiểm tra:

Tiêu chuẩn công bố áp dụng:.....

Quy chuẩn kỹ thuật:.....

Quy định khác:.....

- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận/giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu số:..... do tổ chức..... cấp ngày:...../...../..... tại:.....



**KẾT QUẢ KIỂM TRA**

*Ghi một trong các nội dung:*

*Đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu*

*hoặc Không đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu thì nêu lý do hoặc các yêu cầu khác nếu có.*

*Hoặc Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ*

*Hoặc Lô hàng đề nghị đánh giá sự phù hợp lại tại.....*

*Hoặc Lô hàng chờ CQKT tiến hành lấy mẫu và thử nghiệm.*

**CƠ QUAN KIỂM TRA**

*(Ký tên đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Người nhập khẩu;
- Hải quan cửa khẩu;
- Lưu: VT, (Viết tắt tên CQKT).

**Mẫu 4. BCKĐCL**  
**27/2012/TT-BKHCN**

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../BC-.....

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**BÁO CÁO****Lô hàng nhập khẩu không đạt yêu cầu quy định về chất lượng**

Kính gửi:.....

Số TT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Khối lượng/số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú

- Cửa khẩu nhập:
- Thời gian nhập khẩu:
- Thuộc lô hàng có các chứng từ sau:

- Hợp đồng số:
- Danh mục hàng hóa số:
- Hóa đơn số:
- Vận đơn số:
- Tờ khai hàng nhập khẩu số:
- Giấy chứng nhận xuất xứ số (C/O):
- Giấy chứng nhận lưu hành tự do CFS:

- Người nhập khẩu:

- Giấy đăng ký kiểm tra số:..... ngày..... tháng..... năm 20.....

- Căn cứ kiểm tra:

- Tiêu chuẩn công bố áp dụng.....
- Quy chuẩn kỹ thuật:.....
- Quy định khác:.....

Kết quả thử nghiệm/chứng nhận/giám định hàng hóa nhập khẩu số:..... do

Tổ chức Đánh giá sự phù hợp:.....  
cấp ngày:...../...../..... tại:.....

Kết luận:

a) Lô hàng (Số lượng/tên, nhãn hiệu): không đạt yêu cầu quy định về chất lượng;

b) Lý do không đạt (*không phù hợp về chất lượng, ghi nhãn, dấu hợp quy,.....*).

Đề xuất biện pháp xử lý: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên (Cơ quan kiểm tra cấp trên)
- Lưu: VT, (Tên viết tắt CQKT).

**CƠ QUAN KIỂM TRA**

(Ký tên đóng dấu)

**Mẫu 5a.BBLM**  
**27/2012/TT-BKHCN**

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**BIÊN BẢN LẤY MẪU**

Số:.....

1. Tên cơ sở được lấy mẫu:
2. Đại diện cơ sở được lấy mẫu: (Họ tên, chức vụ, đơn vị)
3. Người lấy mẫu: (Họ tên, chức danh, đơn vị)
4. Phương pháp lấy mẫu:

Số TT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Tên và địa chỉ người nhập khẩu	Nơi lấy mẫu	Đơn vị tính	Lượng mẫu	Thuộc lô hàng (Khối lượng, Ngày nhập khẩu,)	Ghi chú

5. Tình trạng mẫu:

- Mẫu được chia làm 02 đơn vị: 01 đơn vị đưa đi thử nghiệm, 01 đơn vị được lưu tại cơ quan kiểm tra.

- Mẫu được niêm phong có sự chứng kiến của đại diện cơ sở lấy mẫu.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua, mỗi bên giữ 01 bản./.

**Đại diện cơ sở được lấy mẫu**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Người lấy mẫu**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)



**Mẫu 5b.TNPM**

27/2012/TT-BKHCN

**TEM NIÊM PHONG MẪU**

Tên mẫu.....

Số thứ tự..... trong biên bản lấy mẫu số:.....

Ngày lấy mẫu.....

**NGƯỜI LẤY MẪU**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU**

(Ký, ghi rõ họ tên)

---

**Ghi chú:** Tem niêm phong được đóng dấu treo của cơ quan kiểm tra.

**Mẫu 6. BC**  
27/2012/TT-BKHCN

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)  
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../BC-...

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp tình hình kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu**  
*(Số liệu 6 tháng năm 20..... hoặc năm 20..... tính từ ngày.....đến ngày.....)*

Kính gửi:

**1. Tổng số lô hàng đã đăng ký kiểm tra:..... lô, trong đó:**

- Số lô đã qua kiểm tra đạt yêu cầu:..... lô (chi tiết xem bảng 1)

- Số lô không đạt yêu cầu:..... lô (chi tiết xem bảng 2)

- Số lô trốn tránh kiểm tra:..... lô (chi tiết xem bảng 3)

**2. Tình hình khiếu nại:** (lô hàng, doanh nghiệp nhập khẩu, tình hình khiếu nại và giải quyết...)

**3. Kiến nghị:**

**Bảng 1. Kết quả kiểm tra chất lượng các lô hàng  
đạt yêu cầu nhập khẩu**

Số TT	Tên, nhóm hàng hóa (thuộc trách nhiệm của Bộ KH&CN)	Tổng số (lô)	Đơn vị tính	Khối lượng	Nguồn gốc, xuất xứ	Chi cục kiểm tra <sup>1</sup>
....						

<sup>1</sup> Báo cáo của Chi cục gửi về theo định kỳ thì không cần phải ghi cột này.

**Bảng 2. Kết quả kiểm tra chất lượng các lô hàng  
không đạt yêu cầu nhập khẩu**

Số TT	Số hồ sơ	Tên Người NK	Địa chỉ ĐT/Fax	Tên & nhóm hàng hóa NK	Số lượng	Xuất xứ	Lý do không đạt	Các biện pháp đã được xử lý	Chi cục xử lý <sup>2</sup>
....									

**Bảng 3. Các doanh nghiệp không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ  
kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu**

Số TT	Giấy đăng ký kiểm tra số	Tên Người NK	Địa chỉ ĐT/Fax	Tên & nhóm hàng hóa NK	Số lượng	Tờ khai HHNK số	Thời gian nhập khẩu
...							

**Nơi nhận:**

- Cơ quan chủ quản cấp trên;
- Lưu: VT, (Tên viết tắt CQKT).

**CƠ QUAN KIỂM TRA**

(Ký tên đóng dấu)

<sup>2</sup> Báo cáo của Chi cục gửi về theo định kỳ thì không cần phải ghi cột này.